

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04-12-2020

*V/v Ly hôn, chia tài sản chung
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Hoàng Huy

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Vũ Linh – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm: 1998

HKTT: Ấp 14, xã KA huyện UM, tỉnh Cà Mau

Chỗ ở hiện nay: Ấp BĐ, xã TT, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Phan Văn Q, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Ấp 14, xã KA, huyện UM, tỉnh Cà Mau

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Dương Thị N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp 14, xã KA, huyện UM, tỉnh Cà Mau

Chị V, anh Q, bà N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2015 được sự đồng ý của gia đình hai bên chị và anh Phan Văn Q làm đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Sau khi cưới vợ

chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng không có sự quan tâm nhường nhịn nhau nên thường xuyên cự cãi và giận dỗi. Cha mẹ hai bên đã hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không còn hạnh phúc nên chị Nguyễn Thị V yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn Q.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Khi cưới cha mẹ chồng có cho 14 chỉ vàng 24K. Số vàng trên đã cho mẹ chồng là bà Dương Thị Nguyễn mượn chưa trả nên bà N vẫn còn quản lý, khi ly hôn chị yêu cầu bà N trả 14 chỉ vàng 24K để chị và anh Q chia theo quy định của pháp luật. Đối với tài sản chung anh Phan Văn Q trình bày chỉ có 10 chỉ vàng 24K cha mẹ anh cho trong ngày cưới là không đúng mà tài sản chung của vợ chồng gồm có 14 chỉ vàng 24K trong đó 10 chỉ vàng 24K cha mẹ chồng cho và 04 chỉ vàng 24K họ hàng bên chồng cho trong ngày cưới, số vàng này đã cho bà N mượn; đối với 05 chỉ vàng 18K cha mẹ chồng cho và 01 bộ dòng ximen trị giá 11.000.000 đồng chị đang quản lý, chị đồng ý chia đôi các tài sản trên; đối với 2,5 chỉ vàng 24K vợ chồng làm chung mua được trước đây chị quản lý nhưng quá trình chung sống đã bán vợ chồng tiêu xài không còn nên không đồng ý chia.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống có đăng ký kết hôn đúng như chị Nguyễn Thị V trình bày; về nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như chị V trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên yêu cầu được hàn gắn để vợ chồng chung sống. Trường hợp chị V cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng gồm 10 chỉ vàng 24K cha mẹ anh cho trong ngày cưới đã cho bà Dương Thị N mượn; 05 chỉ vàng 18K cha mẹ cho trong ngày cưới; 2,5 chỉ vàng 24K vợ chồng làm chung mua được và 01 bộ dòng ximen trị giá 11.000.000 đồng do chị V quản lý. Đối với 2,5 chỉ vàng 24K vợ chồng làm chung mua được quá trình chung sống chị V quản lý, chị Nguyễn Thị V trình bày đã bán vợ chồng tiêu xài là không đúng vì anh đi làm hàng tháng vẫn có lương để vợ chồng chi xài. Anh yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N trình bày:

Bà có quản lý 14 chỉ vàng 24K mà chị Nguyễn Thị V đưa cho bà mượn. Trong 14 chỉ vàng này chỉ có 10 chỉ vàng 24K là tài sản chung của chị V và anh Q vì ngày cưới bà có cho chị V và anh Q 10 chỉ vàng 24K và 05 chỉ vàng 18K, số vàng 05 chỉ vàng 18K thì Vàng đang quản lý, còn 04 chỉ vàng 24K trong số 14 chỉ vàng 24K mà chị V đưa bà mượn đây không phải tài sản chung của chị V và anh Q vì số vàng 04 chỉ này là ngày đám cưới bà con bên bà đeo cho chị V nên bà để cho chị V đeo. Nếu chị Nguyễn Thị V yêu cầu ly hôn thì 04 chỉ vàng 24K bà không trả cho chị V

và anh Q mà lấy lại để đi đám trả cho những bà con của bà. Bà chỉ đồng ý trả 10 chỉ vàng 24K để chị V và anh Q chia.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 33, 56, 57, 59 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 466 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị V đối với anh Phan Văn Q; về tài sản chung chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị V đối với số vàng 14 chỉ vàng 24K, buộc bà N trả 14 chỉ vàng 24K cho chị V và anh Q chia; chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Q đối với 05 chỉ vàng 18K và bộ vòng ximen trị giá 11.000.000 đồng, chị V đang quản lý nên buộc chị V giao lại cho anh Q 02 chỉ 05 phân vàng 18K và 5.500.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của anh Q về việc chia 2,5 chỉ vàng 24K; án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị V yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn Q và yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn, tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Phan Văn Q xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2015 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị V và anh Phan Văn Q là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị V và anh Q xảy ra mâu thuẫn không hòa giải được, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2020, anh Q yêu cầu được hàn gắn nhưng chị V vẫn cương quyết ly hôn, anh Q xác định nếu chị V cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn, như vậy cho thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị V ly hôn với anh Phan Văn Q.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Phan Văn Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị V và anh Phan Văn Q xác định ngày cưới cha mẹ chồng cho 10 chỉ vàng 24K và 05 chỉ vàng 18K; họ hàng bên chồng có cho 04 chỉ vàng 24K vào ngày cưới; vợ chồng làm sắm được 2,5 chỉ vàng 24K và một bộ vòng Ximen trị giá 11.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị V, anh Phan Văn Q và bà Dương Thị N đều xác định bà N đang quản lý 14 chỉ vàng 24K vì số vàng này bà N mượn của chị V và anh Q. Chị V yêu cầu bà N trả 14 chỉ vàng 24K để chị V và anh Q chia theo quy định của pháp

luật. Anh Q cho rằng trong 14 chỉ vàng 24K cho bà N mượn chỉ có 10 chỉ là tài sản chung được cha mẹ anh cho trong ngày cưới, còn 04 chỉ là họ hàng bên anh đeo cho chị V trong ngày cưới nên số vàng này để lại cho cha mẹ anh đi đám trả lại cho bà con. Bà Dương Thị N cho rằng ngày cưới bà chỉ cho chị V 10 chỉ vàng 24K còn 04 chỉ vàng 24K là họ hàng bên bà cho chị V nên số vàng này để lại cho bà đi đám trả lại cho bà con, bà chỉ đồng ý trả 10 chỉ vàng 24K cho chị V và anh Q.

Xét thấy, chị Nguyễn Thị V, anh Phan Văn Q và bà Dương Thị N đều xác định vào ngày cưới bà N có cho chị V và anh Q 10 chỉ vàng 24K, họ hàng bên chồng cho chị V 04 chỉ vàng 24K. Tại khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình quy định “1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung”. Căn cứ vào điều luật đã viện dẫn có cơ sở xác định 14 chỉ vàng 24K bà Dương Thị N mượn là tài sản chung của chị V và anh Q. Do đó, buộc bà N trả lại cho chị Nguyễn Thị V và anh Phan Văn Q 14 chỉ vàng 24K để chia theo quy định của pháp luật. Chị V được chia 07 chỉ vàng 24K, anh Q được chia 07 chỉ vàng 24K.

Đối với 05 chỉ vàng 18K; 01 bộ vòng Ximen trị giá 11.000.000 đồng chị V xác định do chị quản lý và đồng ý chia nên buộc chị Nguyễn Thị V giao lại cho anh Phan Văn Q 02 chỉ 05 phân vàng 18K và 5.500.000 đồng;

Đối với 02 chỉ 05 phân vàng 24K chị V và anh Q xác định là tài sản chung, trước đây do chị V quản lý, chị V trình bày trong quá trình chung sống khi anh Q không còn đi làm ở nhà máy Đạm Cà Mau vợ chồng đã bán chỉ xài chung hết nên không đồng ý chia còn anh Q không thừa nhận số vàng này chị V bán để chi xài chung. Tại phiên tòa anh Q xác định chi phí sinh hoạt của vợ chồng anh trong thời gian chung sống sau khi anh không còn đi làm ở nhà máy Đạm Cà Mau là từ nguồn tài sản chung của vợ chồng đã sắm được và thu nhập do anh lao động phổ thông mà có. Như vậy, việc chị V trình bày trong thời gian anh Q không còn đi làm ở nhà máy Đạm Cà Mau thì vợ chồng đã bán 02 chỉ 05 phân vàng 24K để làm chi phí sinh hoạt là có cơ sở chấp nhận. Do đó, anh Q yêu cầu chia 02 chỉ 05 phân vàng 24K là không có cơ sở chấp nhận.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Phan Văn Q xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tài sản được nhận là (07 (bảy) chỉ vàng 24K x 5.370.000 đồng/chỉ + 02 (chỉ) 05 (phân) vàng 18K x 3.780.000 đồng/chỉ + 5.500.000 đồng) x 5% = 2.627.000 đồng, tổng cộng án phí phải chịu là 2.927.000 đồng.

Anh Phan Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tài sản được nhận là (07 (bảy) chỉ vàng 24K x 5.370.000 đồng/chỉ + 02 (hai) chỉ 05 (phân) vàng 18K x 3.780.000 đồng/chỉ + 5.500.000 đồng) x 5% = 2.627.000 đồng.

Bà Dương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14 chỉ vàng 24K x 5.370.000 đồng/chỉ x 5% = 3.759.000 đồng.

(Giá vàng tại thời điểm xét xử được xác định theo bảng giá niêm yết của Hội kim hoàn tỉnh Cà Mau ngày 04/12/2020 vàng 24K giá 5.370.000 đồng/chỉ; vàng 18K giá 3.780.000 đồng/chỉ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, 51, 56, 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Phan Văn Q.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị V và anh Phan Văn Q về việc chia tài sản chung gồm 14 (mười bốn) vàng 24K; 05 chỉ vàng 18K và 01 bộ vòng Ximen trị giá 11.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị V được chia 07 (bảy) chỉ vàng 24K, 02 (hai) chỉ 05 (năm) phân vàng 18K và 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng; anh Phan Văn Q được chia 07 (bảy) chỉ vàng 24K, 02 (hai) chỉ 05 (năm) phân vàng 18K và 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bà Dương Thị N đang quản lý 14 chỉ vàng 24K là tài sản chung của chị Nguyễn Thị V và anh Phan Văn Q nên buộc bà Dương Thị N trả cho chị Nguyễn Thị V 07 chỉ vàng 24K, trả cho anh Phan Văn Q 07 chỉ vàng 24K.

Chị Nguyễn Thị V đang quản lý 05 (năm) chỉ vàng 18K và 01 bộ vòng Ximen trị giá 11.000.000 đồng nên buộc chị Nguyễn Thị V giao lại cho anh Phan Văn Q 02 (hai) chỉ 05 (năm) phân vàng 18K và 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Phan Văn Q đối với 02 (hai) chỉ 05 (năm) phân vàng 24K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 2.627.000 đồng, tổng cộng là 2.927.000 đồng. Chị Nguyễn Thị V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.228.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005165 ngày 31/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí, chị Nguyễn Thị V phải nộp tiếp số tiền 1.699.000 (Một triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

Anh Phan Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 2.627.000 đồng. Anh Phan Văn Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005183 ngày 28/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí, anh Phan Văn Q phải nộp tiếp án phí 1.477.000 (Một triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng.

Bà Dương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 3.759.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn) đồng (chưa nộp).

- Chị V, anh Q, bà N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã Tân Thành, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng Chi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Hữu Hiệp

Châu Hoàng Huy

Nguyễn Mộng Chi

